TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 161/2023/DS-ST
Ngày: 24 - 11 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 204/2023/TLST-DS, ngày 27 tháng 6 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thu L , sinh năm 1997.

Địa chỉ: ấp H , xã H 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Mai Ch , sinh năm 1997 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H , xã H 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

* *Bị đơn:* Ông Giang Văn S , sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Th , sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Đ , xã V , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/02/2023 của nguyên đơn và tại đơn xin giải quyết người đại diện do nguyên đơn ủy quyền chị Đỗ Thị Mai Ch trình bày:

Vào năm 2021, Hộ Kinh doanh T 2 (do ông Võ Văn I làm chủ hộ kinh doanh) có giao dịch mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi Tôm với ông Giang Văn S và bà Nguyễn Thị Th bằng Hợp đồng mua bán vào ngày 15/4/2021 và đến ngày 19/02/2022 hai bên tiếp tục ký lại Hợp đồng mua bán thức ăn.

Theo thỏa thuận, Hộ Kinh doanh T 2 sẽ cung cấp thức ăn và thuốc, hóa chất nuôi Tôm cho vợ chồng ông Giang Văn S – bà Nguyễn Thị Th thông qua sổ giao nhận hàng hóa. Hàng hóa được nhân viên giao tận nơi hoặc ông S – bà Th đến lấy, được kiểm tra số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa trước khi nhận, có đối chiếu công nợ khi có yêu cầu. Cuối vụ thu hoạch Tôm, ông S – bà Th phải thanh toán hết tiền hàng.

Hộ Kinh doanh T 2 đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, ông S – bà Th nhận hàng không có phản ánh hay phàn nàn gì về chất lượng, số lượng, chủng loại hàng hóa. Tuy nhiên, đến cuối vụ năm 2022, ông S – bà Th chỉ trả được 6.000.000đ (sáu triệu đồng) và còn nợ Hộ Kinh doanh T 2 số tiền là 64.381.000đ (sáu mươi bốn triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

Đến ngày 28/7/2022, ông Võ Văn I và chị Lê Thị Thu L có ký thỏa thuận chuyển giao quyền và nghĩa vụ đối với toàn bộ hoạt động kinh doanh của Hộ Kinh doanh T 2 cho chị Lan toàn quyền. Do đó, nay chị Lê Thị Thu La khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Giang Văn S – bà Nguyễn Thị Th phải thanh toán cho chị L số nợ 64.381.000đ (sáu mươi bốn triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

Đối với bị đơn ông Giang Văn S và bà Nguyễn Thị Th : Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của chị L nhưng ông S – bà Th không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Tại Biên bản hòa giải của Hòa giải viên tại Tòa án, vợ chồng ông S – bà Th thừa nhận đúng là vợ chồng ông bà có mua thức ăn nuôi Tôm Hộ Kinh doanh T 2, hiện nay vợ chồng ông S – bà Th còn nợ của Hộ Kinh doanh T 2 số tiền là 64.381.000đ (sáu mươi bốn triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn đồng). Tuy nhiên, do hiện nay nuôi Tôm thua lỗ nên chưa có

khả năng thanh toán. Đồng thời ông S – bà Th cũng xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Về tố tụng: Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: Xét hợp đồng mua bán tài sản được giao kết giữa Hộ Kinh doanh T 2 và bị đơn là vợ chồng ông Giang Văn S – bà Nguyễn Thị Th là thực tế và là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, đây là giao dịch dân sự được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Giang Văn S – bà Nguyễn Thị Th đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại đơn xin vắng mặt, người đại diện theo ủy của nguyên đơn có trình bày rõ các yêu cầu của mình và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt người đại diện theo ủy của nguyên đơn và các bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Hai bên đã thực hiện việc mua bán tài sản như đã thỏa thuận, thể hiện theo lời trình bày của nguyên đơn, Hợp đồng mua bán giữa hai bên vào ngày 15/4/2021 và ngày 19/02/2022, Các Bảng theo dõi công nợ khách hàng và sự thừa nhận của các bị đơn. Cụ thể là vào ngày 15/4/2021 và ngày 19/02/2022, hai bên ký hợp đồng mua bán, giao dịch mua bán thông qua sổ giao nhận hàng hóa và sau đó hai bên có tiến hành làm việc, xác nhận công nợ. Đồng thời, tại Biên bản hòa giải của Hòa giải viên tại Tòa án, ông S – bà Th thừa nhận còn nợ của Hộ Kinh doanh T 2 do chị Lê Thị Thu L làm chủ số tiền là 64.381.000đ (sáu mươi bốn triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn đồng) nhưng ông S – bà Th không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà L như Hợp đồng do không có khả năng trả nợ. Từ các căn cứ nêu trên, đối chiếu với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, có cơ sở khách quan để kết luận việc giao dịch dân sự giữa các bên đối với việc mua bán tài sản và bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 64.381.000đ (sáu mươi bốn triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn

đồng) là có căn cứ. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu các bị đơn thanh toán số tiền nêu trên cho nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị L có đơn yêu cầu thi hành án, ông Giang Văn S và bà Nguyễn Thị Th còn phải liên đới trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, ông Giang Văn S và bà Nguyễn Thị Th phải liên đới chịu án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thu L đối với bị đơn ông Giang Văn S và bà Nguyễn Thị Th , về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Buộc ông Giang Văn S và bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho chị Lê Thị Thu L số tiền nợ là 64.381.000đ (sáu mươi bốn triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị L có đơn yêu cầu thi hành án, ông Giang Văn S và bà Nguyễn Thị Th còn phải liên đới trả lãi suất quy định tại

khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Giang Văn S và bà Nguyễn Thị Th phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.219.050đ (ba triệu hai trăm mười chín nghìn không trăm năm mươi đồng).

Chị Lê Thị Thu L không phải chịu án phí; hoàn trả cho chị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.609.525 (một triệu sáu trăm lẻ chín nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu số 0008408 ngày 27/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ THỊ HIẾU

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.